

GÓP Ý DỰ THẢO THÔNG TƯ HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, THU CHI TÀI CHÍNH CHO CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỄ HỘI VÀ TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI¹

NGUYỄN THỊ LONG*

Bài viết phân tích những nội dung mới của Dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội cũng như những quy định chưa hợp lý và đề xuất giải pháp hoàn thiện một số nội dung của Dự thảo, góp phần bảo đảm tính hợp pháp, khả thi của Dự thảo Thông tư trước khi được thông qua và thi hành trên thực tế.

Từ khoá: Tiền công đức, tổ chức tôn giáo, cơ sở tôn giáo, quản lý, thu chi tài chính.

Ngày nhận bài: 15/4/2021; Biên tập xong: 18/4/2021; Duyệt đăng: 18/4/2021

This paper analyzes the new contents and unreasonable regulations of the Draft Circular guiding the management of financial revenue and expenditure for festival organization and merit money, funding for monuments and festival activities. Thereby, the author proposes solutions to complete that Draft.

Keywords: Merit money, religious organization, religious establishment, management of financial revenue and expenditure

Ngày 28/4/2021, Bộ Tài chính ra Công văn số 4269/BTC-HCSN gửi các Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lấy ý kiến (lần 2) về Dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.² Dự thảo lần này cơ bản đã xác định được đối tượng điều chỉnh và phạm vi điều chỉnh của văn bản; bổ sung được một số nội dung mới và cụ thể hơn về hoạt động quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội (sau

đây viết tắt là Nghị định số 110/2018/NĐ-CP)³. Tuy nhiên, Dự thảo Thông tư còn một số nội dung chưa thực sự khả thi và bảo đảm tính thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan như Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và các văn bản pháp luật khác quy định về lễ hội và tiền công đức. Để tiếp tục hoàn thiện Dự thảo Thông tư nêu trên, bài viết tập trung phân tích, đề xuất, góp ý về một số nội dung sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Một là, về nội hàm thuật ngữ “lễ hội”

Khoản 1 Điều 1 Dự thảo Thông tư quy định: “Thông tư này hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội theo quy định tại Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ”. Đối chiếu quy định này với Điều 3 Nghị định số 110/2018/NĐ-CP cho thấy có 04 loại lễ hội được đề cập trong Nghị định này bao gồm: Lễ hội truyền thống; Lễ hội văn hoá; Lễ hội ngành nghề và Lễ hội

¹ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài của Trường Đại học Luật Hà Nội: “Quyền sở hữu của cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo theo pháp luật Việt Nam”.

² Dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Link: https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btc/r/cd/dtvb/dtddlyk/dtddlyk_chitiet?id=15957&afrLoop=2405782521860801#%40%3F_afrLoop%3D2405782521860801%26id%3D15957%26_adf.ctrl-state%3Ddbm5dnpgbf_45.

* Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Pháp luật Dân sự, Trường Đại học Luật Hà Nội

³ Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011, tr. 81.

có nguồn gốc từ nước ngoài. Theo tác giả, cách phân loại lễ hội của Nghị định này dựa theo nguồn gốc hình thành lễ hội. Tuy nhiên, bên cạnh cách phân lễ hội thành bốn loại nói trên, theo quy định tại khoản 3 Điều 2 và Điều 10 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 còn có lễ hội tín ngưỡng, tức là *“hoạt động tín ngưỡng tập thể được tổ chức theo lễ nghi truyền thống nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng”* do các cơ sở tín ngưỡng tổ chức. Ngoài ra, hội còn được các nhà khoa học phân thành nhiều loại khác nhau dựa trên niên đại, sự kiện lịch sử hoặc theo cấu trúc... Theo thống kê của Cục Văn hoá cơ sở (thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) là cơ quan quản lý nhà nước về lễ hội thống kê cho thấy, Việt Nam có các loại lễ hội sau: Lễ hội dân gian gồm 7.039 lễ hội, chiếm 88,36%; Lễ hội tôn giáo gồm 5.449 lễ hội, chiếm 6,82%; Lễ hội lịch sử cách mạng gồm 332 lễ hội, chiếm 4,16%; Lễ hội du nhập từ nước ngoài gồm 10 lễ hội, chiếm 0,12%; Lễ hội khác có 40 lễ hội, chiếm 0,5%. Tổng cộng cả nước có 327 lễ hội do cấp tỉnh quản lý, 8 lễ hội do cấp bộ quản lý. Như vậy, mặc dù là đối tượng quản lý của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Nghị định số 110/2018/NĐ – CP nhưng các lễ hội hiện nay chưa có sự thống nhất về tên gọi trong các văn bản pháp lý.⁴

Do vậy, cần làm rõ nội hàm *“lễ hội”* ở đây là những lễ hội nào bởi Việt Nam có rất nhiều loại hình lễ hội với quy mô khác nhau, chủ thể tiến hành khác nhau, dẫn đến việc xác lập quyền sở hữu đối với tiền công đức, tiền tài trợ từ các hoạt động lễ hội sẽ thuộc về các chủ sở hữu khác nhau.

Hai là, về nội hàm thuật ngữ “tiền công đức”

Bên cạnh thuật ngữ *“lễ hội”* và *“hoạt động tổ chức lễ hội”*, đối tượng được điều chỉnh bởi Dự thảo Thông tư này còn là các quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động tiếp nhận, quản lý và sử dụng tiền công đức, tài sản được tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội. Trên thực tế, trong các văn bản pháp luật, ngay cả Dự thảo Thông tư, Ban soạn thảo cũng không có quy định định danh *“tiền công đức”* là gì? Tiền công đức khác gì với tiền giọt dầu? Nếu dự thảo Thông tư không làm được điều này thì các chủ thể có liên quan có thể *“lách”* quy định bằng việc đặt 1 hòm công đức và 10 hòm

giọt dầu. Tiền giọt dầu không thuộc sự điều chỉnh của Dự thảo Thông tư này, do đó, việc tiếp nhận tiền giọt dầu không phải có sổ sách thu chi đảm bảo công khai, minh bạch giống như tiền công đức.⁵

Vì vậy, Dự thảo Thông tư cần bổ sung điều luật giải thích thuật ngữ, trong đó cần giải thích tiền công đức, tiền giọt dầu, tiền tài trợ để thống nhất cách hiểu và cách áp dụng. Bởi lẽ, tiền công đức có thể hiểu là những tài sản mà tín đồ chuyển giao quyền sở hữu của mình cho các cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo với mục đích mong muốn những tài sản này phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo. Trong khi đó, tiền giọt dầu được nhiều cơ sở thờ tự coi là tiền công đức, nhưng cũng nhiều nơi cho rằng tiền giọt dầu là tiền mà tín đồ gửi lại để mua hương, nhang thờ tự. Dự thảo Thông tư muốn đề xuất phương án quản lý thì cần phân định rõ. Tuy nhiên, dưới khoa học pháp luật dân sự, dù được gọi với cái tên là tiền công đức hay tiền giọt dầu thì đây đều là tài sản mà tín đồ, khách tham quan chuyển giao quyền sở hữu thông qua hoạt động tặng cho, dâng cúng, tài trợ cho cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vì mục đích tu bổ và tổ chức các hoạt động lễ hội, các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với từng bối cảnh cụ thể.

2. Về nguyên tắc quyền góp, tiếp nhận các khoản công đức, tài trợ

Điều 2 Dự thảo Thông tư quy định 9 nhóm nguyên tắc⁶, trong đó có quy định: Việc công đức, tài trợ cho tổ chức lễ hội, di tích và hoạt động lễ hội là hoạt động tự nguyện, không chủ thể nào được quyền can thiệp vào hoạt động này của người công đức, tài trợ. Nguyên tắc này phù hợp với quy định về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân được quy định tại Điều 6 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 và Điều 24 Hiến pháp năm 2013. Tuy nhiên, việc quy định nguyên tắc này tại Điều 2 Dự thảo Thông tư, theo tác giả là không cần thiết vì đây là nguyên tắc đã được Hiến định. Bên cạnh đó, cách diễn đạt tại đoạn hai khoản 1 Điều 2 Dự thảo Thông tư quy định về các hành vi được xem là đi ngược lại nguyên tắc tự nguyện. Sẽ là phù hợp hơn nếu Dự thảo Thông tư quy định thành các hành vi bị nghiêm cấm như:

⁴ Phạm Loan Oanh, Nguyễn Hoàng, *Hướng dẫn quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống ở cơ sở*, Nxb. Chính trị Quốc gia – sự thật, Hà Nội, 2015. Link: <http://tuyengiaohungyen.vn/bai-viet/nhung-van-de-chung-ve-le-hoi-phan-loai-le-hoi-va-gia-tri-cua-le-hoi.aspx>.

⁵ Thịnh Nguyễn, *“Lại nóng chuyện đếm hòm công đức”*. Link: <https://thanhnien.vn/van-hoa/lai-nong-chuyen-dem-hom-cong-duc-903496.html>.

⁶ Xem Điều 9, Dự thảo Thông tư.

(i) Nghiêm cấm việc ép buộc tổ chức, cá nhân đóng góp tài trợ cho tổ chức lễ hội, di tích và hoạt động lễ hội.

(ii) Nghiêm cấm coi việc công đức, tài trợ là điều kiện để tổ chức lễ hội hoặc điều kiện để tham gia, tham quan, du lịch, nghiên cứu lễ hội, di tích.

...

Tương tự như vậy, khoản 2 và khoản 3 Điều 2 Dự thảo Thông tư cũng đang thiết kế dưới dạng “không được” – “không thực hiện”:

“2. Không tiếp nhận tiền công đức, tài trợ kèm theo các điều kiện làm sai lệch bản chất, nội dung, ý nghĩa lịch sử, giá trị văn hóa, truyền thống của lễ hội; làm sai lệch kiến trúc di tích, xâm hại cảnh quan, danh lam thắng cảnh và vi phạm quy định của pháp luật về di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo.

3. Không được lợi dụng việc tổ chức lễ hội, quản lý và sử dụng di tích nhằm mục đích trục lợi cá nhân, phục vụ lợi ích nhóm...”

Đây là cấu trúc mô tả các hành vi bị nghiêm cấm phù hợp hơn là việc coi đó là nguyên tắc. Bởi lẽ, nguyên tắc phải là những tư tưởng khái quát nhất, không mang tính liệt kê, mô tả chi tiết như Dự thảo Thông tư đang quy định.

Ngoài ra, khoản 4 điều luật này quy định: *“Tiền công đức, tài trợ cho tổ chức lễ hội, di tích và hoạt động lễ hội không thuộc sở hữu cá nhân và không phản ánh vào ngân sách nhà nước; được để lại toàn bộ cho cơ quan, đơn vị tổ chức lễ hội, quản lý di tích sử dụng cho các hoạt động lễ hội, quản lý và sử dụng di tích theo quy định tại Thông tư này”*. Tác giả cho rằng Dự thảo Thông tư đang tránh việc định danh chính xác chủ sở hữu tiền công đức, tiền tài trợ từ hoạt động lễ hội là ai. Một mặt, Dự thảo Thông tư phủ nhận cá nhân có thể sở hữu, một mặt lại loại trừ việc nhập loại tài sản này vào ngân sách nhà nước (tức không phải sở hữu toàn dân), mặt khác khẳng định tiền này được “để lại” cho chủ thể tổ chức lễ hội, quản lý di tích nhưng chủ thể này có phải chủ sở hữu không thì Dự thảo Thông tư không khẳng định cũng không phủ nhận. Tác giả không tán thành cách quy định này bởi như vậy không khác nào khiến tiền công đức trở thành loại tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu.

Do vậy, trong thời gian tới, Ban soạn thảo Dự thảo Thông tư cần bám sát quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Hiến chương 16 tôn giáo tại Việt Nam, BLDS năm 2015 để có những quy định phù hợp hơn, định danh cụ thể chủ sở hữu tiền công đức trong

các trường hợp cụ thể để đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng cho chủ sở hữu tài sản, đồng thời cũng đảm bảo được mục đích của việc sử dụng loại tài sản trên theo một trong hai phương án:

- Phương án 1: Điều chỉnh tên gọi của Điều 2 Dự thảo từ “nguyên tắc” thành “các hành vi bị nghiêm cấm” cho phù hợp với nội dung đã quy định.

- Phương án 2: Bổ sung điều khoản độc lập quy định về nguyên tắc và mô tả nguyên tắc theo hướng khái quát. Ví dụ: Nguyên tắc tự nguyện; nguyên tắc công khai, minh bạch; nguyên tắc sử dụng đúng mục đích...

3. Về phương thức tiếp nhận các khoản công đức, tài trợ cho tổ chức lễ hội, di tích và hoạt động lễ hội

Điều 3 Dự thảo Thông tư quy định những chủ thể có thẩm quyền tiếp nhận công đức, tài trợ cho tổ chức lễ hội, di tích và lễ hội “*mở tài khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại hoặc Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội, quản lý di tích và hoạt động lễ hội*”. Đây được xem là một trong những nội dung mới của Dự thảo Thông tư so với các văn bản pháp luật trước đây. Quy định này nhằm công khai số tiền thu được từ hoạt động tổ chức lễ hội, cơ sở quản lý di tích tiếp nhận công đức, tài trợ.

Theo tác giả, quy định này có ưu điểm và một số hạn chế như sau:

Về ưu điểm: Nếu quy định này của Dự thảo Thông tư được thông qua thì sẽ giúp cơ quan quản lý nhà nước và các chủ thể quản lý di tích cũng thuận lợi hơn trong việc kiểm soát được dòng tiền công đức, tiền tài trợ cho di tích, hoạt động lễ hội. Bởi lẽ, khi tiền công đức, tiền tài trợ được chuyển vào tài khoản sẽ giúp các chủ thể minh bạch được nguồn tài sản này về đầu ra và đầu vào, các dữ liệu tài khoản sẽ được theo dõi và thống kê đầy đủ, nhanh chóng, chính xác bởi tổ chức tín dụng tiếp nhận mở tài khoản. Đối với nhà nước, quy định này cũng hỗ trợ hoạt động thu thuế của nhà nước (với những nguồn thu có tính thuế). Điều này cũng phù hợp với khoản 1 Điều 15 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 về quản lý, sử dụng khoản thu được từ việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng.

Về hạn chế:

Một là, tính khả thi của quy định: Đây là quy định còn mới mẻ và chưa tiệm cận với phong tục, tập quán và truyền thống của người Việt Nam. Nhiều người khi đến với di

tích, tham gia các hoạt động lễ hội đều có mong muốn tự tay mình dâng tài sản vào hòm công đức⁷; hoặc có những người không thạo công nghệ để chuyển khoản. Việc quy định này dẫn đến nhiều chủ thể rụt rè trong việc thực hiện việc tài trợ, dâng cúng. Hơn nữa, việc chưa xác định chính xác chủ sở hữu của tài sản này dẫn đến việc khó khăn trong việc mở tài khoản tại các tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. Những vấn đề được đặt ra khi mở tài khoản đó là: Chủ tài khoản là ai? Trong khoảng thời gian gửi vào ngân hàng, Kho bạc có được lựa chọn phương thức gửi tiết kiệm để tính lãi không? Việc sử dụng tiền lãi này được thực hiện như thế nào? Những nội dung này Dự thảo Thông tư chưa tập trung điều chỉnh cũng như không có chỉ dẫn chuyển tiếp đến văn bản pháp luật có liên quan để các chủ thể khi thực thi dễ dàng thực hiện.

Vì vậy, Dự thảo Thông tư nên có điều khoản chuyển tiếp đến văn bản pháp luật hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán. Ví dụ, khoản 1 Điều 3 Thông tư số 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán quy định các hình thức mở tài khoản thanh toán bao gồm: Tài khoản thanh toán của cá nhân, tài khoản thanh toán của tổ chức và tài khoản thanh toán chung. Dự thảo Thông tư cần xác định cụ thể tại Điều 3 việc mở tài khoản để chuyển tiền công đức, tiền tài trợ cho hoạt động tổ chức lễ hội, di tích là tài khoản nào trong số ba tài khoản trên.

Hai là, tính thống nhất của nội dung Dự thảo Thông tư với quy định của các văn bản có liên quan. Những di tích, lễ hội trực thuộc cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo đã có sự điều chỉnh của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016. Theo quy định của luật này thì cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo được quyền “nhận tài sản hợp pháp do tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài tự nguyện tặng cho”⁸. Những tài sản thuộc sở hữu của cơ sở tôn giáo, tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng bao gồm: Tài sản được hình thành từ đóng góp của thành viên tổ chức; quyền góp, tặng cho của tổ chức, cá

nhân hoặc các nguồn khác theo quy định của pháp luật⁹. Những quy định này còn chung chung khiến cho việc áp dụng pháp luật còn nhiều quan điểm khác nhau.

Theo quan điểm của tác giả, việc nhận định ai là chủ sở hữu tiền công đức, tiền tài trợ cho hoạt động lễ hội là vấn đề mấu chốt của Dự thảo Thông tư. Khi định danh cụ thể chủ sở hữu thì việc quy định chủ tài khoản, chủ thể có quyền quản lý, sử dụng tiền công đức mới cụ thể và khả thi. Thực tế cho thấy hiện nay có hai nhóm chủ thể quản lý tiền công đức:

Nhóm 1: Đối với những di tích có Ban quản lý, việc quản lý tiền công đức thường do Ban quản lý đảm nhiệm dưới sự giám sát của chính quyền, việc thu chi thông qua Kho bạc nhà nước và công khai trước nhân dân theo quy định.

Nhóm 2: Đối với các cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo việc quản lý tiền công đức chủ yếu do người đại diện cơ sở tín ngưỡng, sư trụ trì thực hiện¹⁰.

Tuy nhiên, việc phân định này cũng chưa thực sự phù hợp. Trong khoa học pháp luật dân sự, chủ sở hữu là người có toàn quyền đối với tài sản của mình. Quyền sở hữu cho phép chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi của mình đối với tài sản¹¹. Do vậy, việc định danh chủ sở hữu đối với những nguồn thu trên là thực sự cần thiết.

4. Về việc quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và hoạt động lễ hội

Điều 4 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và hoạt động lễ hội với bốn nội dung: Một là, quy định về việc lập kế hoạch quyền góp, tiếp nhận tài trợ cho công tác tổ chức lễ hội; Hai là, quy định về nguồn thu từ hoạt động lễ hội; Ba là, quy định về nội dung chi; Bốn là, quy định về mức chi. Trong số những quy định này, quy định tại khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư trùng với nội dung của khoản 2 Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 quy định

⁹ Khoản 1 Điều 56 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

¹⁰ Đinh Thuận, “Quản lý tiền công đức tại Hà Nội: Khó vẫn phải thực hiện”. Link: <https://bnews.vn/quan-ly-tien-cong-duc-tai-ha-noi-kho-van-phai-thuc-hien/80227.html>.

¹¹ Nguyễn Minh Oanh (2017), *Vật quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam hiện đại*, Sách chuyên khảo, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 167.

⁷ Vũ Trung Kiên, “Khuyến khích chuyển khoản tiền công đức”, link: <https://tuoitre.vn/khuyen-khich-chuyen-khoan-tien-cong-duc-20210518203500135.htm>.

⁸ Khoản 6 Điều 7 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016.

chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo. Điều luật này đã quy định về hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, cụ thể: “*Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này về việc tổ chức quyền góp, trong đó nêu rõ mục đích, địa bàn, cách thức, thời gian quyền góp; phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyền góp*”. Điểm a khoản 1 Điều 4 Dự thảo Thông tư đang chỉ nhắc lại quy định của khoản 2 Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP. Do đó, tác giả đề xuất hai phương án:

Phương án 1: Ban soạn thảo Dự thảo Thông tư bỏ điểm a khoản 1 Điều 4.

Phương án 2: Nếu giữ lại điểm a khoản 1 Điều 4 thì chỉ nên quy định dưới dạng chuyển tiếp đến khoản 2 Điều 19 Nghị định số 162/2017/NĐ-CP, tránh việc nhắc lại nguyên văn quy định trên.

5. Về xử lý vi phạm

Dự thảo Thông tư không quy định chế tài áp dụng trong trường hợp các chủ thể không thực hiện nghĩa vụ quản lý tiền công đức, tài trợ cho hoạt động lễ hội và di tích theo quy định của pháp luật. Sự thiếu vắng này sẽ dẫn tới việc không thống nhất cho việc thực thi pháp luật trên thực tiễn và không đảm bảo tính răn đe đối với hành vi vi phạm pháp luật. Tác giả đề xuất ban soạn thảo cân nhắc hai phương án:

Phương án 1: Bổ sung chế tài xử lý vi phạm.

Phương án 2: Chuyển tiếp đến quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan, ví dụ như Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

6. Về kỹ thuật lập pháp

Về bố cục của Dự thảo Thông tư: Theo tác giả, nội dung của Dự thảo Thông tư cần trả lời được các câu hỏi: Tiền công đức, tiền tài trợ được điều chỉnh trong văn bản này là gì? Cho những loại lễ hội nào? (Điều 1: Phạm vi và đối tượng điều chỉnh và Điều 2: Giải thích thuật ngữ); Nguyên tắc cơ bản các chủ thể cần tuân theo? (Điều 3); Những hành vi bị nghiêm cấm? (Điều 4); Chủ thể nào được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức; tiền tài trợ cho hoạt động lễ hội? (Điều 5: Tiền công đức, Điều 6: Tiền tài trợ); Phương thức thực hiện? (Điều 7); Nội dung chi và mức chi

từ tiền công đức, tiền tài trợ cho hoạt động tổ chức lễ hội, di tích? Trình tự, thủ tục báo cáo? (Điều 8, 9); Chế tài cho hành vi vi phạm? (Điều 10); Hiệu lực của thông tư (Điều 11). Theo đó, nội dung Dự thảo Thông tư cần thiết kể lại theo đề xuất sau:

Phần 1: Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4)

Phần 2: Tiền công đức và tiền tài trợ (từ Điều 5 đến Điều 9)

Phần 3: Hành vi vi phạm và trách nhiệm pháp lý (Điều 10)

Phần 4: Hiệu lực thi hành (Điều 11)

Để đảm bảo quy định của Dự thảo Thông tư được khả thi và hiệu quả, Dự thảo Thông tư cần được rà soát, loại bỏ những quy định không thực sự thống nhất với BLDS năm 2015, Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016, Luật Di sản văn hoá năm 2001, sửa đổi, bổ sung năm 2009./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, NXB. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2011.
3. Phạm Loan Oanh, Nguyễn Hoàng, *Hướng dẫn quản lý, tổ chức lễ hội truyền thống ở cơ sở*, Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội, 2015.
4. Thịnh Nguyễn, “*Lại nóng chuyện đếm hòm công đức*”. Link: <https://thanhnien.vn/van-hoa/lai-nong-chuyen-dem-hom-cong-duc-903496.html>.
5. Vũ Trung Kiên, “*Khuyến khích chuyên khoản tiền công đức*”, link: <https://tuoitre.vn/khuyen-khich-chuyen-khoan-tien-cong-duc-20210518203500135.htm>.
6. Đinh Thuận, “*Quản lý tiền công đức tại Hà Nội: Khó vẫn phải thực hiện*”. Link: <https://bnews.vn/quan-ly-tien-cong-duc-tai-ha-noi-kho-van-phai-thuc-hien/80227.html>.
7. Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ (2017), *Bình luận khoa học Bộ Luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Nguyễn Minh Oanh (2017), *Vật quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam hiện đại*, Sách chuyên khảo, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.